

Tập 90

Xin đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm năm mươi bảy:

(Huyền Nghĩa) Hựu nhược thư tả tắc hóa bị thương sanh¹, giảng diễn tắc tường phù bạch hạc.

(玄義) 又若書寫則化被蒼生，講演則祥符白鶴。

(Huyền Nghĩa: Lại nữa, như biên chép giáo hóa trọn khắp phàm dân, giảng diễn ắt hiện điềm lành hạc trắng).

Từ xưa tới nay, thọ trì kinh Di Đà có khá nhiều sự cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Đoạn này nói về chuyện chép kinh. Trước đây, kinh sách lưu thông phải dựa vào biên chép. Kỹ thuật ấn loát cho đến sau đời Tống - Nguyên mới dần dần phát triển. Kinh điển in theo lối phương sách, tức là in theo lối khâu gáy đóng thành sách như chúng ta thấy hiện thời, đóng sách như vậy để trở thành một cuốn. Mãi đến cuối đời Minh, mới chọn lựa cách đóng kinh Phật thành sách theo lối như vậy. Vào đời Minh, [cách đóng sách ấy do] Hàn Sơn đại sư đề xướng, gọi là “*phương sách bản*”. Trước kia, thời Đường [kinh Phật được] gọi là “*quyển tử*”, giống như những bức vẽ được cuộn lại. Sau đây là “*triếp điệp bản*”². Từ triếp bản lại diễn biến thành sách đóng thành tập gọi là phương sách bản.

Thời ấy, thuật ấn loát chưa phát triển, bản in khắc trên gỗ, trước hết, phải chép lại. Chép hoàn chỉnh rồi mới đem bản ấy khắc lên ván gỗ, khắc từng chữ một. Khi in cũng rất bất tiện. Cứ một bức ván gỗ là một trang kinh sách. Thuở đó chưa có mực in, dùng muối gỗ tùng để in; tức là dùng hạt cây tùng đốt lấy bồ hóng. Quý vị thấy những bản sách cổ, in bằng muối

¹ Chữ “*thương sanh*” theo nghĩa gốc là nơi cây cỏ sanh trưởng tươi tốt, như trong kinh Thư, thiên Ích Tắc có câu: “*Đế quang thiên chi hạ, chí ư hải ngưng thương sanh*”, Không Tử giảng câu này phải hiểu là “*quang thiên chi hạ, chí ư hải ngưng, thương thương nhiên sanh thảo mộc, ngôn sở cập quang viễn*” (chỗ có ánh sáng mặt trời, cho đến góc biển, cây cối mọc xanh tươi, ý nói: Sự phổ cập rất xa rộng). Về sau, chữ “*thương sanh*” thường được dùng để chỉ dân chúng.

² Quyển tử là in trên một tờ giấy dài, hai đầu gắn trục để cuộn lại. Vì thế, kinh Phật còn được gọi là “*xích trục hoàng quyển*” (trục đỏ, quyển vàng). Triếp điệp bản là in thành từng trang trên một tờ giấy dài, in xong sẽ xếp thành sách, gắn bìa hai đầu. Những cách in này nhằm mô phỏng lối chép kinh trên lá Bối. Còn “*phương sách*” là in giống như triếp điệp, nhưng chỉ có một mặt giấy, xếp mặt không có chữ đầu lưng vào nhau, dùng chỉ khâu gáy để đính vào bìa, giống như sách hiện thời.

gỗ tùng, tay sờ vào sẽ bị đen thui, đối với bản in bằng mực ta sẽ không bị đen tay. In bằng muội gỗ tùng nên giá thành khá cao, chẳng thuận tiện như hiện tại. Người hiện tại tu phước nên [mọi việc] thuận tiện hơn cổ nhân rất nhiều! Cổ nhân muốn lưu thông kinh sách, phải thuê người sao chép, sao một bộ phải trả công chừng đó tiền! Có những người có học, đi thi không đỗ, làm cách nào đây? Thường đến chùa miếu chép kinh. Nhà chùa trả tiền công cho họ, sao một bộ kinh trả công bao nhiêu tiền, cho họ ăn, cho họ ở, để họ chuyên làm việc sao chép kinh điển. Lưu thông kinh điển thuở ấy phải dùng phương thức này. Những trường hợp được đại sư nêu lên trong lời chú giải đều là chuyện thật.

(Sớ) Thư tả giả, Đường Thiện Đạo đại sư, phàm đắc sán thí, dụng tả Di Đà kinh thập vạn quyển.

(疏) 書寫者，唐善導大師，凡得襯施，用寫彌陀經十萬卷。

(Sớ: “Biên chép”: Đòi Đường, Thiện Đạo đại sư hể được cúng dường bèn dùng để chép kinh Di Đà số đến mười vạn quyển).

“Sán thí” (襯施) là tín đồ cúng dường tiền bạc cho Ngài, Ngài dùng tiền này để cậy người khác chép kinh Di Đà. Chẳng dễ dàng! Kinh Di Đà được phổ biến, lưu thông là do Thiện Đạo đại sư đề xướng mà đắc lực. Đương nhiên, kinh này chẳng thể coi là quá dài, cứ một quyển là được một bộ, đây là một quyển kinh. Ngài nhờ người khác chép kinh Di Đà, số lượng rất đáng kể, mười vạn quyển! Với kỹ thuật ấn loát phát triển như trong hiện thời, người nào phát tâm in kinh Di Đà mười vạn quyển? Hiện thời làm chuyện này dễ hơn thời Thiện Đạo đại sư rất nhiều, mười vạn quyển kinh phải chép trong bao nhiêu năm? Ngày nay, chúng ta in mười vạn cuốn sách chỉ mất một tháng, giá tiền lại còn thấp hơn trước đây rất nhiều. Đây là lưu thông kinh quyển.

(Sớ) Khuyển nhân thọ trì, diệc hữu độc tụng chí thập vạn biến giả, ngũ thập vạn biến giả.

(疏) 勸人受持，亦有讀誦至十萬遍者，五十萬遍者。

(Sớ: Khuyển người khác thọ trì, cũng có người đọc tụng tới mười vạn biến, hay năm mươi vạn biến).

Đây là nói về người thọ trì, tụng niệm kinh này. Bởi lẽ, các đồng tu phải chú ý, niệm kinh thì không nên niệm quá nhiều, quá tạp! Nhất định phải hiểu rõ niệm kinh nhằm mục đích gì, chúng ta niệm kinh Di Đà nhằm mục đích gì? Nói thật ra là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là mục đích thật sự của chúng ta. Nếu chúng ta nhất tâm nhất ý muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, niệm thêm những kinh điển khác chính là xen tạp! Pháp môn này đáng quý ở chỗ chuyên tu! Niệm bộ kinh này thuần thực, tâm cũng định rồi, chuyên nhất rồi, bèn có thể đắc nhất tâm bất loạn. Nếu như niệm đủ thứ kinh luận, chẳng dễ gì thành tựu nhất tâm bất loạn! Vì sao? Niệm kinh này, nghĩ đến kinh kia chưa niệm, niệm kinh đó xong, lại còn có những kinh khác ta chưa niệm! Trong tâm quý vị khởi vọng tưởng, tâm chẳng chuyên! Vì thế, thật sự đạt được lợi ích nơi tu hành, nhất định phải chuyên, niệm kinh phải chuyên, pháp môn tu hành cũng phải chuyên, chỉ niệm một câu A Di Đà Phật, những thứ khác đều chẳng cần tới nữa!

Một câu A Di Đà Phật này có công đức chẳng thể nghĩ bàn, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất rõ ràng: Một câu A Di Đà Phật “*viên nhiếp ngũ tông, cai la bát giáo*” (nhiếp trọn năm tông, bao trùm tám giáo). Một câu A Di Đà Phật gồm trọn hết thấy các kinh điển và hết thấy các pháp môn do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, chẳng sót một pháp nào! Không chỉ bao gồm những điều Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, thậm chí những pháp do mười phương ba đời hết thấy chư Phật đã nói, một câu A Di Đà Phật này cũng đều gồm trọn! Chúng ta chẳng niệm A Di Đà Phật thì niệm gì? Chẳng niệm kinh Di Đà thì niệm kinh gì đây?

Thiện Đạo đại sư rất lỗi lạc, Ngài là người đời Đường. Theo truyền ký ghi chép, Ngài chuyên niệm A Di Đà Phật. Vì thế, Ngài là tổ sư đời thứ hai của Tịnh Độ Tông. Ngài niệm một tiếng Phật hiệu, từ trong miệng phóng ra một tia sáng, trong tia sáng ấy có một vị Hóa Phật, đó là tượng A Di Đà Phật. Mỗi câu đều như vậy. Điều này được truyền chép như sau: “*Khẩu phóng quang minh, quang trung hóa Phật*”. Theo truyền thuyết lịch sử, Thiện Đạo đại sư là hóa thân của A Di Đà Phật. Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ, hòa thượng Phong Can cũng là hóa thân của A Di Đà Phật.

(Sớ) Tăng tục quy ngưỡng, chí hữu cảm cực phần thân cúng dường, đắc Niệm Phật tam-muội giả, bất khả thắng kỷ.

(疏)僧俗歸仰，至有感極焚身供養，得念佛三昧者，不可勝紀。

(Sớ: Tăng, tục quy y ngưỡng mộ, đến nỗi có người cảm mộ cùng cực, đã đốt thân cúng dường. Người đắc Niệm Phật tam-muội chẳng thể ghi xiết).

Đây đều là nói công đức giáo hóa của Thiện Đạo đại sư. Hậu thế tôn Ngài làm tổ sư Tịnh Độ Tông. Cảm động tới cùng cực, “đốt thân cúng dường”, đốt ngón tay hay đốt cánh tay đều là đốt một bộ phận trên thân. Đắc Niệm Phật tam-muội, Niệm Phật tam-muội là Sự nhất tâm bất loạn. Người theo Thiện Đạo đại sư tu học, đắc nhất tâm bất loạn rất ư là nhiều!

(Sớ) Giảng diễn giả.

(疏) 講演者。

(Sớ: Giảng diễn).

Giảng giải bộ kinh này.

(Sớ) Tống Trầm Tam Lang.

(疏) 宋沈三郎。

(Sớ: Ông Trầm Tam Lang đời Tống).

Người đời Tống.

(Sớ) Văn tuế hồi tâm niệm Phật.

(疏) 晚歲回心念佛。

(Sớ: Tuổi già, hồi tâm niệm Phật).

Đây là lúc tuổi già, tuổi tác đã cao lắm rồi. Đến lúc này mới học Phật, tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, phát tâm niệm Phật.

(Sớ) Nhân bệnh, thỉnh tăng giảng Di Đà kinh, dịch y nhi chung.

(疏) 因病，請僧講彌陀經，易衣而終。

(Sớ: Do bị bệnh, thỉnh Tăng giảng kinh Di Đà, thay áo, qua đời).

Trong khi bị bệnh, thỉnh pháp sư giảng kinh Di Đà cho ông ta nghe. Trong lúc thay đổi y phục, ông ta bèn mạng chung.

(Sớ) Súc tất dục khởi, nhị tử cực ư danh giáo, dĩ dịch khám vi nan, duệ kỳ hĩnh trực chi. Tương nhập liệm, hốt cử thủ xuất y bị, cù

nhiên nhi tọa, cử gia đại kinh. Nhị tử cấp tiên phù vệ, nãi dĩ trừu tiết trúy chi. Tử viết: “Trợ phụ tọa thoát nhĩ”. Cảnh tọa thệ. Trà-tỳ, hữu bạch hạc nhị thập cửu chích, phi minh vân biểu, cứu chi Tây khứ.

(疏)縮膝欲起，二子局於名教，以易龕為難，曳其脛直之。將入斂，忽舉首出衣被，瞿然而坐，舉家大驚。二子急前扶衛，乃以肘節捶之。子曰：助父坐脫耳。竟坐逝。荼毗，有白鶴二十九隻，飛鳴雲表，久之西去。

(Sớ: Co chân toan ngồi dậy, hai đứa con trai cầu nệ danh giáo, cho là khó thể đổi hòm, bèn kéo chân cha cho thẳng ra. Lúc sắp nhập liệm, ông ta đột nhiên thò đầu ra khỏi vải liệm, đột ngột ngồi dậy, cả nhà kinh hãi. Hai đứa con trai vội tiến lên nâng đỡ, ông ta bèn dùng khuỷu tay huých họ, con bèn nói: “Giúp cha ngồi qua đời mà”, ông ta bèn ngồi qua đời. Lúc hỏa thiêu, có hai mươi chín con hạc trắng bay lượn, hót rú rít trong mây, hồi lâu, bay về phía Tây).

Truyện Trâm Tam Lang được chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện. Người này đã chết, trước khi ông mất, đã dặn con là ông ta muốn tọa khám, tức là tọa thoát, ngồi mà mất. “Danh giáo” là Nho gia. Theo quy chế đại liệm³ của Nho gia, người sau khi đã chết nhất định phải nhập liệm trong quan tài. Vì vậy, con ông ta không nghe lời, tiến hành đại liệm cho ông ta theo cách thức của người bình thường. Kéo chân ông ta cho thẳng lại, dùng quan tài nhập liệm. Lúc ấy, bỗng nhiên ông ta ngồi dậy, đúng là chuyện khiến mọi người rất kinh hãi. Người trong nhà ông ta hiểu rõ, biết ông ta mong tọa thoát, không muốn nằm sượng ra đi. Vì thế, con trai ông ta giúp ông ngồi xếp bằng, để ông ta tọa thoát. Trà-tỳ (Jhāpeta) là hỏa táng, khi hỏa táng có hai mươi chín con hạc trắng, giống như đến tiễn ông ta. Hỏa thiêu xong, những con hạc trắng ấy bay về phương Tây; có tướng lành ấy. “Tuồng phù bạch hạc” (hạc trắng hiện điềm lành) là do lễ thỉnh pháp sư tới giảng kinh Di Đà, ông ta vãng sanh trong khi đang nghe, nên có sự cảm ứng tốt lành này.

³ Đại liệm nhằm phân biệt với tiểu liệm. Tiểu liệm là dùng vải liệm bọc kín thi thể người chết. Đại liệm là đưa thi thể người chết đã tiểu liệm vào quan tài. Nghi lễ Nho gia quy định rất rắc rối, chẳng hạn khi tiểu liệm phải bọc vải liệm theo trình tự nào, buộc dây từ chỗ nào trở đi. Khi đại liệm cũng có quy định đặt theo hướng nào, chất liệu quan tài tùy theo độ tuổi của người chết mà khác biệt, sơn phết quan tài như thế nào. Chẳng hạn người chết từ năm mươi tuổi trở xuống, không được sơn quan tài sắc vàng, chỉ dùng màu đỏ v.v...

(Huyền Nghĩa) Hiện tiền cảm ứng, tắc bảo địa dao quán, khắc thủ vãng sanh, tắc Niết Bàn phi tử, như tư cảm ứng, lữ kiến cổ kim.

(玄義) 現前感應，則寶地遙觀，剋取往生，則涅槃非比，如斯感應，屢見古今。

(Huyền Nghĩa: Cảm ứng trong hiện tiền thì đôi trông đất báu, ước định kỳ hạn vãng sanh, kinh Niết Bàn chẳng thể sánh bằng. Những sự cảm ứng như vậy, xưa nay thấy rất nhiều).

Đây là nói về sự cảm ứng trong hiện tiền, quả thật cũng hết sức nhiều! Ở đây, nêu đại lược vài người.

(Sớ) Bảo địa dao quán giả, Đường Đại Hành thiền sư.

(疏) 寶地遙觀者，唐大行禪師。

(Sớ: “Đôi trông đất báu”: Thiền sư Đại Hành đời Đường).

Thiền sư Đại Hành là người đời Đường.

(Sớ) Sơ tu Phổ Hiền sám.

(疏) 初修普賢懺。

(Sớ: Thoạt đầu tu Phổ Hiền Sám Pháp).

Trước đó, Ngài tu lễ Phổ Hiền Sám Pháp, tức là Phổ Hiền Bồ Tát Sám Nguyện Nghi, y theo phương pháp ấy để tu hành.

(Sớ) Hậu nhập Đại Tạng, tùy thủ thủ quyển, đắc Di Đà kinh.

(疏) 後入大藏，隨手取卷，得彌陀經。

(Sớ: Về sau, vào chỗ cất giữ Đại Tạng Kinh, tiện tay rút ra một quyển, bèn rút được kinh Di Đà).

Cổ nhân thường dùng phương pháp này. Kinh điển nhiều dường ấy, ta phải nên học kinh nào? Đôi trước Phật hứa nguyện, con rút lấy một bộ từ Đại Tạng Kinh, sẽ học theo kinh ấy, dùng phương pháp này! Đôi khi là rút thăm, như Ngẫu Ích đại sư thường dùng biện pháp này. Đôi với những kinh luận, pháp môn ưa thích, Ngài đều viết thành từng tờ, đặt trước bàn Phật, mỗi ngày lễ bái, cúng dường, lễ bái suốt bảy ngày rồi rút lấy một tờ, dùng phương pháp này. Thiền sư Đại Hành rút một quyển từ trong Đại Tạng Kinh, rút được kinh Di Đà.

(Sớ) Nhật dạ tụng vịnh.

(疏) 日夜誦詠。

(Sớ: Ngày đêm tụng niệm, tán thán).

“Tụng” là đọc tụng, “vịnh” là ca xướng (Phạm Bái). Xoang điệu đọc tụng của cổ nhân rất dễ nghe, mà xoang điệu Phạm Bái cũng hết sức êm tai.

(Sớ) Chí tam thất nhật.

(疏) 至三七日。

(Sớ: Tới hai mươi một ngày).

Sư ngày đêm niệm bộ kinh Di Đà này, niệm suốt hai mươi một ngày.

(Sớ) Đồ lưu ly địa thượng, Phật cập nhị đại sĩ hiện tiền.

(疏) 睹琉璃地上，佛及二大士現前。

(Sớ: Thấy trên đất lưu ly, đức Phật và hai vị đại sĩ hiện tiền).

Tướng ấy hiện tiền, thấy trong hiện tiền. Ngài thấy đại địa trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là đất lưu ly. Nay chúng ta gọi ngọc lưu ly là Phỉ Thúy, là một loại ngọc có màu xanh lá cây. Đại địa là ngọc màu xanh lá cây. A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đều hiện hình cho Ngài thấy.

(Sớ) Hy Tông văn kỳ sự.

(疏) 僖宗聞其事。

(Sớ: Vua Hy Tông nghe chuyện này).

Hoàng đế Hy Tông nhà Đường nghe kể chuyện này.

(Sớ) Chiếu nhập nội đình, tứ hiệu Thường Tinh Tấn Bồ Tát.

(疏) 詔入內庭，賜號常精進菩薩。

(Sớ: Hạ chiếu vời vào cung, ban danh hiệu Thường Tinh Tấn Bồ Tát).

Thiền sư Đại Hạnh vốn học Thiền, về sau, từ Thiền trở về Tịnh Độ, Ngài thật sự tinh tấn, chuyên niệm kinh Di Đà, ngày đêm không ngừng niệm. Niệm hai mươi một ngày, được cảm ứng như thế. Vì vậy, hoàng đế Hy Tông ban tặng danh hiệu Thường Tinh Tấn Bồ Tát.

(Sớ) Hậu lưu ly địa phục kiến, tức nhật mạng chung, dị hương kinh tuần, nhục thân bất hoại.

(疏)後琉璃地復見，即日命終，異香經旬，肉身不壞。

(Sớ: Sau đó lại thấy đất lưu ly, mạng chung ngay trong ngày hôm ấy, mùi hương lạ đọng lại cả mười ngày, nhục thân chẳng hư).

Vị pháp sư này lưu lại nhục thân, khi Ngài vãng sanh, tướng lành ấy lại hiện tiền. Khi tướng ấy hiện tiền, Ngài vãng sanh. “*Dị hương kinh tuần*”: “*Tuần*” (旬) là mười ngày, khi Ngài vãng sanh mùi hương suốt mười ngày chẳng tan.

(Sớ) Niết Bàn phi tỷ giả.

(疏)涅槃非比者。

(Sớ: Niết Bàn chẳng thể sánh bằng)

Kinh Niết Bàn chẳng sánh bằng kinh Di Đà.

(Sớ) Lương Đạo Trân pháp sư.

(疏)梁道珍法師。

(Sớ: Pháp sư Đạo Trân đời Lương).

Đời Lương thời Ngũ Đại, pháp sư Đạo Trân giảng kinh Niết Bàn.

(Sớ) Thiên Giám trung.

(疏)天監中。

(Sớ: Trong niên hiệu Thiên Giám).

Thiên Giám (502-519)⁴ là niên hiệu.

(Sớ) Khế tích Lô Sơn.

⁴ Thiên Giám là niên hiệu của Lương Vũ Đế (Tiêu Diễn).

(疏) 憩錫廬山。

(Sớ: Trụ tại Lô Sơn).

“*Khé tích*” (憩錫) là ở lại. Ngài du phương tham học tới Lô Sơn thuộc tỉnh Giang Tây, bèn trụ lại đó.

(Sớ) Mộ Viễn công tịnh nghiệp.

(疏) 慕遠公淨業。

(Sớ: Ngưỡng mộ Tịnh nghiệp của tổ Huệ Viễn).

Đối với Đông Lâm Niệm Phật Đường chuyên tu Tịnh Độ của Huệ Viễn đại sư, Ngài hết sức ngưỡng mộ.

(Sớ) Thiên tọa trung, hốt kiến hải thượng số bách nhân thừa bảo phảng tiền mai.

(疏) 禪坐中，忽見海上數百人乘寶舫前邁。

(Sớ: Trong khi ngồi Thiền, chợt thấy trên biển mấy trăm người ngồi trên thuyền báu tiến về trước).

Đây là cảnh giới trong Định, khi Ngài nhập Định, hiện ra cảnh biển cả, trên biển có mấy trăm người ngồi trên một chiếc thuyền lớn. “*Bảo phảng*”: Lúc ấy, chiếc thuyền đó hết sức quý báu, do bảy báu chế thành. Họ ngồi thuyền báu tiến lên phía trước.

(Sớ) Sư vấn: Hà chi?

(疏) 師問何之。

(Sớ: Sư hỏi: “Đi đâu thế?”)

Pháp sư Đạo Trân hỏi họ: “Các vị đi đâu vậy?”

(Sớ) Đáp viết: Vãng Cực Lạc quốc.

(疏) 答曰往極樂國。

(Sớ: Họ đáp: “Đến cõi Cực Lạc”).

Chúng tôi muốn lái thuyền này đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau khi Sư nghe xong:

(Sớ) Nhân câu phụ tải.

(疏) 因求附載。

(Sớ: Do vậy, bèn xin ngồi nhờ thuyền của họ).

Tôi có thể ngồi ké thuyền của quý vị cùng đi hay chăng?

(Sớ) Báo vân.

(疏) 報云。

(Sớ: Họ đáp).

Bọn họ trả lời Ngài.

(Sớ) Pháp sư tuy thiện giảng Niết Bàn kinh.

(疏) 法師雖善講涅槃經。

(Sớ: Pháp sư tuy khéo giảng kinh Niết Bàn).

Ông giảng kinh Niết Bàn rất khá.

(Sớ) Diệc đại bất khả tư nghị.

(疏) 亦大不可思議。

(Sớ: Cũng là rất chẳng thể nghĩ bàn).

Công đức này chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Nhiên vị tụng Di Đà kinh, khởi đắc đồng vãng?

(疏) 然未誦彌陀經，豈得同往？

(Sớ: Nhưng chưa tụng kinh Di Đà, làm sao cùng đi được?)

Ông chưa hề niệm kinh Di Đà, làm sao có thể cùng đi được? Vị này đúng là suốt đời hoằng dương kinh Niết Bàn, giảng kinh Niết Bàn, nhưng chẳng thể vãng sanh Tây Phương. Ông chưa niệm kinh Đà là không được rồi, [chúng tôi] không muốn dẫn ông đi cùng.

(Sớ) Sư toại phế giảng, niệm Phật.

(疏) 師遂廢講念佛。

(Sớ: Sư bèn bỏ giảng, niệm Phật).

Sau khi thấy cảnh giới trong Định như vậy, vị pháp sư này chẳng giảng kinh nữa, mà chuyên niệm Phật.

(Sớ) Tụng Di Đà kinh cập nhị vạn biến.

(疏) 誦彌陀經及二萬遍。

(Sớ: Tụng kinh Di Đà đến hai vạn biến).

Nếu trong Định chẳng gặp phải cảnh giới này, tâm ấy sẽ chẳng thể phát khởi. Gặp cảnh giới ấy, tâm ấy thật sự phát khởi!

(Sớ) Tương chung tứ thất nhật tiền.

(疏) 將終四七日前。

(Sớ: Hai mươi tám ngày trước khi mất).

Đây cũng là biết trước lúc mất, bốn thất trước hôm vãng sanh, tức là trước đó hai mươi tám ngày, đại khái là chừng một tháng, trước đó một tháng!

(Sớ) Dạ tứ cổ.

(疏) 夜四鼓。

(Sớ: Lúc canh tư ban đêm).

Vào lúc canh tư ban đêm.

(Sớ) Kiến Tây Phương ngân đài lai chí, không trung kiêu như bạch nhật. Thanh vân: “Pháp sư đương thừa thử đài vãng sanh”.

(疏) 見西方銀臺來至，空中皎如白日。聲云：法師當乘此臺往生。

(Sớ: Thấy từ Tây Phương có đài bạc đưa tới, trên trời sáng như ban ngày, có tiếng nói: “Pháp sư nên ngồi đài này mà vãng sanh”).

Có tướng lành này hiện tiền.

(Sớ) Thời chúng hàm văn thiên nhạc dị hương.

(疏) 時眾咸聞天樂異香。

(Sớ: Khi ấy, đại chúng đều nghe thấy nhạc trời và ngửi thấy mùi hương lạ).

Khi ấy, đại chúng nghe trên không trung trỗi nhạc trời, lại còn người thấy mùi hương lạ.

(Sớ) Sớ nhật hương do vị tán.

(疏) 數日香猶未散。

(Sớ: Mùi hương ấy mấy ngày chẳng tan).

Mùi hương mấy ngày vẫn chưa tan.

(Sớ) Kỳ dạ phong đánh tự tăng, dao kiến cốc khẩu hỏa cự số thập, minh liệu triệt dạ, thứ nhật nãi tri Sư thệ.

(疏) 其夜峰頂寺僧，遙見谷口火炬數十，明燎徹夜，次日乃知師逝。

(Sớ: Đêm hôm ấy, vị Tăng sống trên đỉnh núi, nhìn thấy xa xa ở ngoài cửa hang núi có mấy chục ánh đuốc sáng ngời suốt đêm, hôm sau mới biết Sư đã tịch).

“Phong đánh tự”: Ngôi chùa này được xây tại nơi rất cao, cho nên có tầm nhìn rộng lớn, có thể thấy rất xa. Thấy tại cửa hang núi có nhiều ánh đuốc. Mãi cho đến lúc trời sáng, vẫn còn thấy ánh đuốc. Đến hôm sau mới biết tướng lành ấy là do pháp sư vãng sanh.

(Sớ) Như thượng sở lục.

(疏) 如上所錄。

(Sớ: Những điều được ghi chép như trên đây).

Những điều được ghi chép này.

(Sớ) Giai tu nhân chứng quả, thử cảm bỉ ứng.

(疏) 皆修因證果，此感彼應。

(Sớ: Đều do tu nhân chứng quả, ở đây cảm, nơi kia sẽ ứng).

Người tu hành có cảm, Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật bèn có ứng.

(Sớ) Điệp kiến tầng xuất, tự cổ cập kim, vị cập mai cử.

(疏) 疊見層出，自古及今，未及枚舉。

(Sớ: [Những chuyện cảm ứng như thế này] thường được thấy nghe, từ xưa đến nay, chẳng thể nêu trọn).

Những chuyện cảm ứng này quả thật rất nhiều. Những chuyện được Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện ghi chép là ghi một, sót cả vạn. Nhất là vào thời cổ, thông tin chẳng dễ dàng! Bao nhiêu tướng lành vãng sanh, nhưng người biên chép chưa nghe nói, chưa trông thấy, nên bỏ sót. Nói thật ra, tác giả [của những bộ sách ấy] sưu tập tài liệu rất hữu hạn, bỏ sót rất nhiều. Vì thế, tại Trung Quốc, chẳng biết pháp môn này đã độ bao nhiêu người vãng sanh thế giới Tây Phương.

Tứ, minh trì

四、明持。

(Bốn là nói [sự cảm ứng] do thọ trì).

“Trì” là thọ trì, [đoạn này nói về] sự cảm ứng do thọ trì.

(Huyền Nghĩa) Nhược trì danh giả, hoặc nhất niệm nhi phi nhất quang, hoặc nhất thanh nhi xuất nhất Phật, hoặc hưởng di lâm cốc, hoặc âm triệt cung vi, hoặc lục thời hệ niệm, nhi y chánh doanh không, hoặc thập tự tiêu tâm, nhi thánh hiền nhập hội, kịp hồ chiêu đại, tục hữu danh lưu.

(玄義)若持名者，或一念而飛一光，或一聲而出一佛，或響彌林谷，或音徹宮闈，或六時繫念，而依正盈空，或十字標心，而聖賢入會，洎乎昭代，續有名流。

(Huyền Nghĩa: Như trì danh thì hoặc là niệm một câu phóng ra một tia sáng, hoặc mỗi tiếng niệm hiện ra một vị Phật, hoặc vang vọng khắp rừng núi, hoặc âm thanh lọt vào tận trong cung, hoặc sáu thời hệ niệm, y báo và chánh báo đầy ấp hư không, hoặc dùng chữ Thập để biểu thị cái tâm, thánh hiền xin dự vào hội, mãi cho đến nay vẫn luôn lưu danh).

Trong đoạn này cũng trích chẳng ít chuyện.

(Sớ) **Thử chánh minh chấp trì danh hiệu dã.**

(疏) **此正明執持名號也。**

(Sớ: Đây là nói trực tiếp đến chuyện chấp trì danh hiệu).

Đây là nói về sự cảm ứng thù thắng do niệm Phật.

(Sớ) Tịnh nghiệp chư hiền, đa bất phiền tải.

(疏) 淨業諸賢，多不繁載。

(Sớ: Các bậc hiền nhân trong Tịnh Nghiệp quá nhiều đến nỗi chẳng thể chép hết).

“Tải” (載) là ghi chép. Nhiều quá! Ghi chép chẳng trọn!

(Sớ) Cô cử chiêu chước thế nhân nhĩ mục giả nhất nhị, dĩ vi khích khuyến.

(疏) 姑舉昭灼世人耳目者一二，以為激勸。

(Sớ: Đành nêu ra một hai người được người đời nhận biết rõ rệt nhất nhằm khích lệ, khuyến lon).

Nêu ra mấy vị nổi danh nhất, ai cũng biết trong các đời để khuyến lon, khích lệ hàng hậu học.

(Sớ) Phi quang giả.

(疏) 飛光者。

(Sớ: Phóng ánh sáng).

Đây là mỗi niệm bèn tỏa quang minh, “phi quang” là trong miệng tỏa ra ánh sáng. Tôi vừa mới nhắc đến vị này với quý vị, đó là Thiện Đạo đại sư.

(Sớ) Đường Thiện Đạo đại sư, nhân vấn niệm Phật đắc sanh Tịnh Độ phủ?

(疏) 唐善導大師，人問念佛得生淨土否？

(Sớ: Có người hỏi Thiện Đạo đại sư đời Đường: “Niệm Phật có được sanh về Tịnh Độ hay chăng?”)

Có người hỏi lão nhân gia: “Niệm Phật có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc hay không?”

(Sớ) Đáp viết: “Nhu như sở niệm, toại như sở nguyện”.

(疏) 答曰：如汝所念，遂汝所願。

(Sớ: Ngài đáp: “Đúng như lòng ông nghĩ tưởng, ông sẽ được toại nguyện”).

Thiện Đạo đại sư trả lời: Chỉ cần ông niệm, nhất định sẽ được mãn nguyện. Ông chịu niệm, sẽ nhất định vãng sanh.

(Sớ) U thị, Đạo nãi tự niệm A Di Đà Phật nhất thanh.

(疏) 於是導乃自念阿彌陀佛一聲。

(Sớ: Ngay khi ấy, ngài Thiện Đạo tự niệm A Di Đà Phật một tiếng).

Chính Ngài tự niệm, niệm Phật một tiếng bèn có một tia sáng.

(Sớ) Tắc hữu nhất quang tùng kỳ khẩu xuất, thập thanh chí bách, quang diệc như chi.

(疏) 則有一光從其口出，十聲至百，光亦如之。

(Sớ: Bèn có một tia sáng từ miệng tỏa ra, niệm từ mười tiếng cho đến một trăm tiếng, ánh sáng đều [tỏa ra] như vậy).

Ngài niệm Phật, miệng phóng quang minh.

(Sớ) Quang minh mãn thất.

(疏) 光明滿室。

(Sớ: Quang minh ngập thất).

Ngài niệm nhiều lượt, trong phòng toàn là quang minh.

(Sớ) Đế văn kỳ sự.

(疏) 帝聞其事。

(Sớ: Vua nghe chuyện này).

Thuở ấy, hoàng đế nghe có tướng lạ như vậy, cũng triệu kiến Ngài.

(Sớ) Sắc sở cư vi Quang Minh Tự, hậu đăng liễu thụ đoan tọa nhi hóa.

(疏) 敕所居為光明寺，後登柳樹端坐而化。

(Sớ: Sắc phong nơi Ngài trụ là Quang Minh Tự. Về sau, Ngài trèo lên cây liễu ngồi ngay ngắn, viên tịch nơi đó).

Chỗ Ngài ở được hoàng đế tặng một bức hoành phi đề Quang Minh Tự. Niệm Phật miệng tỏa quang minh.

(Sớ) Xuất Phật giả, Thiếu Khang pháp sư.

(疏) 出佛者，少康法師。

(Sớ: “Niệm ra Phật”: Pháp sư Thiếu Khang).

Đây cũng là một vị tổ sư của Tịnh Độ Tông.

(Sớ) Tại Ô Long sơn, kiến Tịnh Độ đạo tràng, khuyến nhân niệm Phật, chúng kiến Sư niệm Phật nhất thanh, khẩu xuất nhất Phật, chí u thập niệm, thập Phật thứ xuất, do nhược liên châu.

(疏) 在烏龍山，建淨土道場，勸人念佛，眾見師念佛一聲，口出一佛，至於十念，十佛次出，猶若連珠。

(Sớ: Ngài lập Tịnh Độ đạo tràng tại núi Ô Long, khuyên người khác niệm Phật. Đại chúng thấy Sư niệm Phật một tiếng, từ trong miệng bay ra một vị Phật, cho đến mười niệm là mười vị Phật lần lượt xuất hiện, giống như một chuỗi).

Ngài niệm Phật, từ trong miệng có tượng Phật xuất hiện. Niệm một tiếng là một vị Phật, niệm mười tiếng là mười vị Phật, niệm một trăm tiếng là một trăm vị Phật. Phật liên tiếp xuất hiện, có tướng lành như vậy.

(Sớ) Lâm chung chi nhật, khẩu phóng dị quang số đạo, yểm nhiên nhi thệ.

(疏) 臨終之日，口放異光數道，奄然而逝。

(Sớ: Ngày lâm chung, miệng tỏa ra mấy tia sáng lạ, đột nhiên qua đời).

Đây cũng là điềm lành chẳng thể nghĩ bàn do niệm Phật trong thuở ấy, đủ để cảm động lòng trời.

(Sớ) Hưởng di giả, Đường Đạo Xước thiên sư, bình cư vị chúng giảng Vô Lượng Thọ kinh, tương nhị bách biến.

(疏) 響彌者，唐道綽禪師，平居為眾講無量壽經，將二百遍。

(Sớ: “Tiếng vang trọn khắp”: Thiên sư Đạo Xước đời Đường, thường giảng kinh Vô Lượng Thọ cho đại chúng, số lần giảng đến hai trăm lượt).

Vị này cũng là tổ sư Tịnh Độ Tông, suốt đời chuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng đến hai trăm lần.

(Sớ) Nhân các khắp châu, khẩu xưng Phật hiệu, hoặc thời tán tịch, thanh bá lâm cốc.

(疏) 人各招珠，口稱佛號，或時散席，聲播林谷。

(Sớ: Mỗi người [đến nghe] lần chuỗi, miệng niệm Phật hiệu, hoặc lúc giải tán, tiếng vang vọng khắp rừng núi).

Đại chúng đến nghe kinh, lần xâu chuỗi niệm Phật. Chùa chiền đều được xây dựng trong núi sâu. Nếu nói theo hiện thời, đều là nơi có Phong Thủy tốt nhất, đều ở trong núi thẳm. Âm thanh niệm Phật vang vọng rừng núi (lâm cốc). “Cốc” là sơn cốc (hang núi). Đây là sự cảm ứng. Nếu chẳng phải là cảm ứng, sẽ không thể có chuyện này! Nếu dùng Niệm Phật Đường để nói, âm thanh cộng tu của mọi người ở nơi đây, nếu bên ngoài sơn cốc hoặc rừng cây mà có thể nghe tiếng, nếu chẳng do cảm ứng, chắc chắn chẳng thể nào có được! Nhất là sau khi pháp hội giảng kinh đã giải tán, âm thanh vẫn vang vọng trong rừng núi.

Trên thực tế, mỗi vị đồng tu niệm Phật đều phải biết: Sau khi niệm Phật hiệu thuần thực, bất luận ở nơi đâu, hễ tâm tĩnh lặng, sẽ nghe Phật hiệu thoảng bên tai. Nếu có cảnh giới ấy, quý vị nên biết đó là bước đầu trong công phu niệm Phật, chúng tỏ công phu của quý vị vừa mới đắc lực, phải nên tiếp tục nỗ lực, từ công phu này, tiến hơn bước nữa mới là công phu thành phiền, sau đây là nhất tâm bất loạn. Nếu cảnh giới này hiện tiền, quả thật là trong chốn rừng núi, hễ tâm thanh tịnh, quý vị sẽ nghe tiếng niệm Phật.

(Sớ) Âm triệt giả, Đường Pháp Chiếu.

(疏) 音徹者，唐法照。

(Sớ: “Âm thanh thấu triệt”: Ngài Pháp Chiếu đời Đường).

Thiền sư Pháp Chiếu đề xướng Ngũ Hội Niệm Phật, là tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông.

(Sớ) Ư Tịnh Châu Ngũ Hội Niệm Phật.

(疏) 於并州五會念佛。

(Sớ: Ngũ Hội Niệm Phật ở Tịnh Châu).

Ngài gặp Văn Thù Bồ Tát. Vị này tham Thiền, vốn trụ tại Hành Châu thuộc tỉnh Hồ Nam, nay là huyện Hành Sơn. Có một buổi sáng, ăn cháo buổi sáng (điểm tâm) trong Thiền đường, thở ấy, người xuất gia đều dùng bát để ăn cháo buổi sáng. Trong bát hiện tướng, cũng là cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn, giống như xem TV vậy. Trong bát hiện ra hình ảnh, chính là hiện cảnh Ngũ Đài Sơn rõ ràng. Sau khi trông thấy, Ngài bèn đem chuyện này hỏi một vị lão đồng tham. Trong quá khứ, vị ấy từng đến Ngũ Đài Sơn, nghe Ngài mô tả, vị ấy bèn bảo: “Đây là Ngũ Đài Sơn”, khuyên Sư hãy lên núi ấy lễ Phật.

Sau khi đến Ngũ Đài Sơn, quả nhiên cảnh giới giống hệt như cảnh đã hiện trong bát. Ngài nhớ rất rõ ràng, đường đi rất quen thuộc; do vậy, tìm được Đại Thánh Trúc Lâm Tự, ngài Văn Thù đang giảng kinh ở đó, thỉnh chúng đông tới một vạn người. Sau khi nghe xong, Ngài tiến lên đánh lễ Văn Thù Bồ Tát rồi hỏi Văn Thù Bồ Tát, Ngài thưa: “Thời kỳ Mật Pháp chúng sanh căn tánh khá kém cỏi, phiền não nặng nề, tu pháp môn gì có thể có thành tựu?” Văn Thù Bồ Tát dạy: “Tu pháp môn Niệm Phật”. Văn Thù Bồ Tát dạy Ngài niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, tự niệm mấy câu cho Ngài nghe. Ngài bèn học lấy, đó là Ngũ Hội Niệm Phật.

Sau khi Ngài rời khỏi Ngũ Đài Sơn, bèn tự mình lập đạo tràng chuyên niệm Phật tại Tinh Châu. Thanh điệu niệm Phật ấy học từ chỗ Văn Thù Bồ Tát ở Ngũ Đài Sơn, hiện thời tại Đài Loan cũng có Ngũ Hội Niệm Phật, chẳng biết có phải điệu do Văn Thù Bồ Tát truyền hay không, chẳng biết! Có thể là thanh điệu do Văn Thù Bồ Tát truyền dạy đã thất truyền! Hiện thời có những người thông minh, nghe nói có Ngũ Hội Niệm Phật, bèn tự mình biên soạn một bản nhạc phổ, dạy mọi người niệm. Ngũ Hội Niệm Phật của họ giống như ca hát, tiếp độ sơ cơ rất tốt, nhưng thật sự niệm Phật thì cách niệm ấy chẳng dễ gì đắc nhất tâm. Tôi nghĩ cách ấy nhất định khác biệt rất lớn so với cách do Văn Thù Bồ Tát truyền dạy. Đây là đạo tràng niệm Phật do thiên sư Pháp Chiếu thành lập.

(Sớ) Cảm Đại Tông hoàng đế cung trung văn niệm Phật thanh.

(疏) 感代宗皇帝宮中聞念佛聲。

(Sớ: Cảm hoàng đế Đại Tông ở trong cung nghe tiếng niệm Phật).

Trong cung đình, hoàng đế nghe tiếng niệm Phật.

(Sớ) Khiển sứ dao tâm.

(疏) 遣使遙尋。

(Sớ: Sai người đi kiếm mãi tận xa).

Liên phái người đuổi theo thanh âm này, một mực đuổi tới Tinh Châu, đuổi tới chỗ thiền sư Pháp Chiếu.

(Sớ) Kiến sư khuyến hóa chi thịnh, toại chiếu nhập cung, cung nhân niệm Phật, diệc cập ngũ hội, hiệu Ngũ Hội pháp sư.

(疏) 見師勸化之盛，遂詔入宮，宮人念佛，亦及五會，號五會法師。

(Sớ: Thấy Sư khuyến hóa hết sức đông đảo, bèn hạ chiếu triệu Sư vào cung. Người trong cung niệm Phật cũng là năm hội, nên Sư được gọi là Ngũ Hội pháp sư).

Đây cũng là có duyên với hoàng đế Đại Tông, vua thỉnh pháp sư vào cung. Ở trong cung, Sư dạy mọi người niệm Phật. Đây là nói “âm triệt cung vi” (âm thanh niệm Phật lọt vào tận trong cung).

(Sớ) Lục thời giả, Tấn Huệ Viễn pháp sư, cư Lô Sơn, chế liên hoa lậu, lục thời niệm Phật, trừng tâm hệ tượng.

(疏) 六時者，晉慧遠法師，居廬山，製蓮華漏，六時念佛，澄心繫想。

(Sớ: “Sáu thời”: Pháp sư Huệ Viễn đời Tấn, sống ở Lô Sơn, chế đồng hồ hoa sen, sáu thời niệm Phật, lắng lòng hệ niệm Cực Lạc).

Tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông là Huệ Viễn đại sư, Ngài dựng Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Hiện nay, Niệm Phật Đường này vẫn còn. Lúc tôi giảng kinh tại Hương Cảng, nghe họ nói: Hiện thời, tại Đông Lâm Niệm Phật Đường vẫn còn hơn một trăm người niệm Phật, vô cùng khó có! Ngài chế ra “liên hoa lậu” (đồng hồ nhỏ giọt hình hoa sen). Trước kia, không có đồng hồ, không biết thời gian, cho nên dùng bình đựng nước nhỏ giọt có khắc vạch để tính toán thời gian. Phía trên thùng đựng nước, Ngài chế ra hoa sen, thả trôi trên mặt nước, nước nhỏ từng giọt. Trên thùng khắc độ số, [nhờ đó] biết nước đã chảy bao nhiêu bèn biết thời gian là bao lâu. Thời cổ, dùng phương thức này để tính thời gian. “Lục thời”: Ngày ba thời, đêm ba thời. “Lục thời” là ngày đêm chẳng gián đoạn. Niệm Phật Đường quả thật là như vậy. Hễ một mỗi thì

làm như thế nào? Một mỗi có thể nghỉ ngơi. Do vậy, bên cạnh Niệm Phật Đường có một cái đơn lớn để nghỉ ngơi. Khi nghỉ ngơi, vẫn để nguyên áo mà ngủ, không cởi ra. Sau khi tỉnh lại, ngay lập tức nhanh chóng niệm tiếp. Hết một bên nghỉ ngơi, nghỉ khỏe khoắn rồi bên lập tức vào Niệm Phật Đường niệm Phật.

(Sớ) Hậu thập cửu niên.

(疏) 後十九年。

(Sớ: Mười chín năm sau).

Mười chín năm sau.

(Sớ) Thất nguyệt hối tịch.

(疏) 七月晦夕。

(Sớ: Đêm không trăng tháng Bảy).

“Hối” (晦) là ngày Ba Mươi hay Mồng Một, lúc chẳng có ánh trăng, Vọng (望) là ngày Rằm, ngày trăng tròn gọi là Vọng. Tịch (夕) là buổi tối.

(Sớ) Ư Bát Nhã đài, phương tòng Định khởi.

(疏) 於般若臺，方從定起。

(Sớ: Sư ở đài Bát Nhã, vừa mới xuất Định).

Đây là lúc niệm Phật, ngồi ở nơi đó, cũng có thể nhập Định, lúc xuất Định.

(Sớ) Kiến A Di Đà Phật, thân biến hư không, viên quang chi trung, vô lượng hóa Phật cập Bồ Tát chúng, thủy lưu quang minh, diễn thuyết diệu pháp.

(疏) 見阿彌陀佛，身遍虛空，圓光之中，無量化佛及菩薩眾，水流光明，演說妙法。

(Sớ: Thấy A Di Đà Phật thân đầy chật hư không, trong viên quang có vô lượng hóa Phật và các vị Bồ Tát, quang minh tràn trề, diễn thuyết diệu pháp).

Cảnh giới này hoàn toàn giống như trong kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã giảng về Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài đã trông thấy. Viễn công đại sư thấy cảnh giới Tây Phương, tổng cộng đã thấy ba lần, nhưng chẳng nói với bất cứ ai. Lúc vãng sanh mới

tuyên bố cùng mọi người. Niệm Phật Đường của Ngài có tất cả một trăm hai mươi ba người, họ là những người chí đồng đạo hợp, cùng nhau kết xã niệm Phật, ai nấy đều vãng sanh. Các vị như Lưu Di Dân vãng sanh trước Ngài, khi Viễn công vãng sanh, những người đã vãng sanh trước đều theo A Di Đà Phật đến đón Sư. Đã thế, còn bảo Ngài: “Chúng tôi đều theo gót Ngài, cùng lão nhân gia niệm Phật, sao Ngài về trễ thế?” Trong truyện ký Tịnh Độ có ghi chép truyện này tại rất tỉ mỉ!

(Sớ) Phật ngôn: “Ngã dĩ bốn nguyện lực cố, lai an ủi nhữ. Nhữ thất nhật hậu, đương sanh ngã quốc”. Chí kỳ, đoan tọa nhi thệ.

(疏)佛言：我以本願力故，來安慰汝，汝七日後，當生我國。至期，端坐而逝。

(Sớ: Đức Phật dạy: “Ta do bốn nguyện lực nên đến an ủi ngươi. Bảy ngày sau, ông sẽ sanh về nước ta”. Đến kỳ hạn, Sư ngồi ngay ngắn qua đời).

Đây là được thấy lần thứ ba. Bảy ngày trước hôm vãng sanh, hiện tướng lành này.

(Sớ) Thập tự giả, Tống Trường Lô Tông Trách thiên sư, Thiên Lý đồng ngộ, Tông Thuyết kiêm thông.

(疏)十字者，宋長蘆宗蹟禪師，禪理洞悟，宗說兼通。

(Sớ: “Chữ thập”: Thiên sư Trường Lô Tông Trách đời Tống, ngộ rộng rang lẽ Thiên, Tông lẫn Thuyết đều thông đạt).

Vị pháp sư này cũng rất lỗi lạc. Có rất nhiều vị thông Giáo, chẳng thông Thiên, có vị thông Thiên nhưng không hiểu Giáo. Từ xưa tới nay, Thiên lẫn Giáo đều thông không nhiều lắm! Nói theo lối thông tục, đây là bậc đại thông gia thật sự. Chỉ có thông gia thật sự mới biết cái hay của niệm Phật, mới có thể khẳng khẳng một mực niệm Phật. Vì sao? Ngài thông đạt hết thảy nên hiểu được Giáo lẫn Thiên chẳng tốt như vãng sanh [trong Tịnh Độ]! Điều này là thật, chẳng giả tí nào! Nương theo Thiên hay Giáo để tu hành, nếu muốn chứng quả, dựa theo pháp Đại Thừa để nói sẽ là chuyện trong vô lượng kiếp, trong giáo pháp Tiểu Thừa là ba đại A-tăng-kỳ kiếp, trong đó còn bị thoái chuyển, còn bị mê khi cách ám, chẳng thể bảo đảm quý vị thuận buồm xuôi gió. Chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh

Độ là thuận buồm xuôi gió, thành tựu trong một đời! Vì thế, người thật sự Tông lẫn Giáo đều thông, không ai chẳng hồi tâm Tịnh Độ. Ngài cũng là một trong số đó.

(Sớ) Nhi viên tôn Lô phụ chi quy.

(疏) 而遠尊盧阜之規。

(Sớ: Đã tôn kính khuôn mẫu Lô Sơn từ lâu).

“Lô phụ” là quy củ Niệm Phật Đường tại Lô Sơn của Huệ Viễn đại sư, chiếu theo phương pháp ấy.

(Sớ) Kiến liên hoa thắng hội.

(疏) 建蓮華勝會。

(Sớ: Lập hội sen thù thắng).

Ngài khởi xướng một hội, mời những người chí đồng đạo họp họp lại để mọi người cùng nhau tu hành.

(Sớ) Kỳ pháp nhật niệm A Di Đà Phật, hoặc thiên thanh, vạn thanh, các u nhật hạ dĩ thập tự ký chi.

(疏) 其法日念阿彌陀佛，或千聲萬聲，各於日下以十字記之。

(Sớ: Phương pháp là hằng ngày niệm A Di Đà Phật một ngàn tiếng hoặc một vạn tiếng, mỗi người dùng chữ Thập để ghi nhớ mỗi ngày).

Đây là ký số niệm Phật (niệm Phật ghi nhớ số câu đã niệm). Mọi người cùng nhau cộng tu, nhưng mỗi cá nhân niệm nhiều hay ít do chính họ tự ấn định. Quý vị tự nguyện mỗi ngày niệm một ngàn câu, liền niệm một ngàn câu. Quý vị tự nguyện niệm một vạn tiếng, hãy niệm một vạn tiếng. Do cá nhân tự ấn định, nhưng công khóa mỗi ngày chẳng thể thiếu. Họ dùng nhật lịch, ngày đầu tiên ta phát nguyện niệm một ngàn tiếng, công khóa ngày hôm ấy niệm xong, ta bèn vạch một chữ Thập dưới ngày đó. Đây là ghi sổ. Giống như Công Quá Cách sau này, mỗi ngày ghi chép công khóa của mình chẳng hề thiếu, quý vị phát tâm niệm một vạn tiếng thì mỗi ngày niệm một vạn tiếng. Cứ niệm đủ một vạn tiếng bèn vạch một chữ Thập, vẽ ký hiệu ấy. Hằng ngày niệm theo cách như vậy. Liên hoa thắng hội được tổ chức như vậy. Chúng tôi tin tưởng người tham gia tổ chức ấy nhất định rất nhiều, vì đến đây niệm một ngàn tiếng chẳng tốn bao nhiêu thời gian, sau khi niệm xong, trở về nhà vẫn có thể làm công

chuyện của họ. Không giống liên xã của Viễn Công, phải ở lại nơi ấy, ở mãi nơi đó mà niệm cho tới khi vãng sanh. Tình hình khác nhau, không phải là người thật sự phát tâm, Ngài sẽ không thọ nhận.

Thuở ấy, văn học gia Tạ Linh Vận đời Tấn, rất thân thiết với Huệ Viễn đại sư. Tạ Linh Vận muốn tham gia liên xã, nhưng Huệ Viễn đại sư không thọ nhận. Đào Uyên Minh giao tình với Ngài cũng tốt đẹp, Ngài cũng rất hoan nghênh Đào Uyên Minh tham gia liên xã, nhưng Đào Uyên Minh không chịu tham gia. Vì lẽ gì chẳng cho Tạ Linh Vận tham gia? Tập khí văn nhân quá nặng, ông ta chuộng viết văn, làm thơ phú, làm những thứ ấy; còn niệm Phật là hạ quyết tâm muốn cầu sanh Tịnh Độ, cho nên ai nấy đều thành tựu. Yêu cầu của liên hoa thắng hội này cũng rất nhẹ nhàng, nếu mỗi ngày phát tâm niệm mấy vạn câu Phật hiệu, sẽ rất có khả năng thành tựu. Mỗi ngày niệm một ngàn tiếng cũng kể như khá lắm, nếu suốt đời chẳng thiếu sót, cũng chắc chắn sẽ vãng sanh.

(Sớ) Nhất tịch, mộng nhất nam tử, ô cân, bạch y, phong mạo thanh mỹ, vị Trách viết: Dục nhập công Di Đà hội, khát thư nhất danh.

(疏)一夕，夢一男子，烏巾白衣，風貌清美，謂蹟曰：欲入公彌陀會，乞書一名。

(Sớ: Một đêm, mộng thấy một người đàn ông, khăn đen, áo trắng, phong thái, diện mạo thanh cao, đẹp đẽ, bảo ngài Tông Trách: “Tôi muốn dự vào hội Di Đà của ông, xin hãy đề một tên”).

Có một tối, Ngài nằm mộng, trong mộng thấy một nam tử; “cân” (巾) là mũ đội, [“ô cân” là] mũ màu đen, mặc áo trắng. Người này phong thái, diện mạo thanh cao, đẹp đẽ, tới nói với pháp sư anh ta muốn tham dự hội Di Đà, tham gia liên hoa thắng hội của Ngài, xin ghi danh.

(Sớ) Trách vấn công hà danh? Viết: Phổ Huệ.

(疏)蹟問公何名? 曰：普慧。

(Sớ: Ngài Tông Trách hỏi: “Ông tên gì?” Đáp: “Phổ Huệ”).

Pháp sư bèn hỏi anh ta: “Ông tên gì để tôi ghi tên”. Anh ta đáp: “Phổ Huệ”.

(Sớ) Hựu vân: “Gia huynh Phổ Hiền, diệc khát đăng danh”.

(疏)又云：家兄普賢，亦乞登名。

(Sớ: Lại nói: “Anh tôi là Phổ Hiền cũng xin ghi danh”).

Anh ta ghi danh xong, lại nói: Anh ta còn có một người anh tên là Phổ Hiền, cũng ghi danh. Nói xong, không thấy đâu nữa!

(Sớ) Trách giác nhi ngữ chư tôn túc.

(疏) 蹟覺而語諸尊宿。

(Sớ: Ngài Tông Trách tỉnh giác, kể với các tôn túc).

Hôm sau, pháp sư đem cảnh giới trong mộng kể với những bậc trưởng thượng đức cao, tuổi trọng.

(Sớ) Giai vân Hoa Nghiêm Ly Thế Gian phẩm, hữu nhị Bồ Tát danh, nãi tri thánh hiền u tán, dĩ nhị đại sĩ thư u lục thủ.

(疏) 皆云華嚴離世間品，有二菩薩名，乃知聖賢幽贊，以二大士書於錄首。

(Sớ: Họ đều nói trong phẩm Ly Thế Gian của kinh Hoa Nghiêm có tên hai vị Bồ Tát ấy, bèn biết là thánh hiền ngâm tán dương, bèn đề tên hai vị đại sĩ ở đầu sổ [công cứ]).

Mọi người suy nghĩ, hai vị này là hai vị Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm, tức Phổ Hiền Bồ Tát và Phổ Huệ Bồ Tát. Bồ Tát cũng tới tham gia hội này, cho nên ghi tên Phổ Hiền và Phổ Huệ vào vị trí thứ nhất và thứ hai. Đó là cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn.

(Sớ) Chiêu đại giả.

(疏) 昭代者。

(Sớ: Hiện thời...)

“Chiêu đại” là hiện thời. Phía trên là nói về quá khứ, nói trong lúc “hiện tại” tức là nói trong thuở ấy, tức là nói về thời đại của Liên Trì đại sư, những năm cuối dưới đời Minh.

(Sớ) Như Tây Trai, Không Cốc, Thiên Kỳ, Độc Phong đẳng, giai cận thế cao tăng, đốc tín tinh tu, thất hưu tiền cổ, tương tục bất tuyệt, sảo tường Vãng Sanh Tập trung. Cái thiên vạn trung, kỷ kỳ nhất nhị nhi dĩ.

(疏)如西齋、空谷、天奇、毒峰等，皆近世高僧，篤信精修，匹休前古，相續不絕，稍詳往生集中。蓋千萬中，紀其一二而已。

(Sớ: Như Tây Trai, Không Cốc, Thiên Kỳ, Độc Phong v.v... đều là những bậc cao tăng trong thời cận đại, lòng tin chuyên dốc, tu hành thuần nhất, tốt lành sánh ngang cổ nhân, nối tiếp chẳng dứt. Những chuyện được kể khá tường tận trong Vãng Sanh Tập chỉ là ghi chép một hai trường hợp trong ngàn vạn trường hợp mà thôi!)

Thiền sư Sở Thạch Kỳ có Tây Trai Tịnh Độ Thi, sách Tịnh Độ Thập Yếu có sưu tập sách này, toàn là thơ ca ngợi Tịnh Độ. Thiền sư Không Cốc Long có một tác phẩm chuyên khuyên tu Tịnh Độ mang tên Không Cốc Tập, trong Vạn Tục Tạng có sưu tập. Thiền sư Thiên Kỳ có Quỳnh Tuyệt Tập, thiền sư Độc Phong Thiện có Ngũ Lục để lại cho người đời sau. Những vị này đều sống vào cuối đời Minh, đều là những vị rất có thành tựu trong Phật môn. Hơn nữa, những vị này trước đó tu Thiền, là những người sau khi đã thành tựu khá trong nhà Thiền, quay trở lại niệm Phật, đều là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Trong Vãng Sanh Truyện có truyện ký của họ. Những chuyện này quả thật nói mãi chẳng hết, quá nhiều! Ở đây chỉ có thể nêu lên vài vị để khuyên lòng, khích lệ mà thôi.

(Huyền Nghĩa) Chí ư cảm hộ.

(玄義) 至於感護。

(Huyền Nghĩa: Còn như cảm ứng, hộ trì).

“Cảm” là cảm ứng, “hộ” là hộ trì.

(Huyền Nghĩa) Tác tức oán đắc độ, ác quỷ bất xâm, linh ứng tác cổ mục trùng minh, phu tù thoát nạn.

(玄義) 則宿冤得度，惡鬼不侵，靈應則瞽目重明，俘囚脫難。

(Huyền Nghĩa: Thì oán thù đời trước được độ thoát, ác quỷ chẳng xâm hại, linh ứng thì như mắt mù sáng lại, tù nhân thoát nạn).

Ở đây cũng nêu ra mấy câu chuyện.

(Sớ) Oán độ giả.

(疏) 冤度者。

(Sớ: Độ kẻ oán).

Oán quý lẫn quẩn bên thân, niệm Phật có thể độ họ. Hiện thời, tình hình này trong thế gian rất nhiều, nhưng người ta không tin, như vậy là chẳng có cách nào hết! Nếu thật sự tin tưởng, nhất tâm niệm Phật, những oán quý chắc chắn sẽ rời khỏi.

(Sớ) Đường Thiệu Bưu, Trấn Giang nhân.

(疏) 唐邵彪，鎮江人。

(Sớ: Đòi Đường, Thiệu Bưu là người xứ Trấn Giang).

Đây là chuyện của người đòi Đường, xảy ra tại Trấn Giang, tỉnh Giang Tô.

(Sớ) Vi chư sanh thời.

(疏) 為諸生時。

(Sớ: Lúc còn là chư sanh).

“Chư sanh” là Tú Tài, khi đậu Tú Tài.

(Sớ) Mộng chí nhất công phủ.

(疏) 夢至一公府。

(Sớ: Mộng đến một công thự).

Mộng đến một nha môn.

(Sớ) Chủ giả vấn: “Nhữ tri sở dĩ bất đệ phủ?”

(疏) 主者問汝知所以不第否。

(Sớ: Viên trưởng quan hỏi: “Người có biết sao thi chẳng đậu hay chẳng?”)

Ông ta là Tú Tài, khi Tú Tài đi thi tiếp mà đậu sẽ thành Cử Nhân. Hằng năm cứ rớt mãi, chẳng đậu! Mộng tới nha môn, có người hỏi ông ta: “Người có biết vì lẽ gì thi chẳng đậu hay chẳng?”

(Sớ) Bưu đối bất tri.

(疏) 彪對不知。

(*Sớ*: Thiệu Bưu đáp: “Không biết!”)

Ông ta thưa: “Tôi chẳng biết!” .

(*Sớ*) **Nhân sử nhân dẫn Bưu tiền hành.**

(疏) 因使人引彪前行。

(*Sớ*: Do vậy, sai người dẫn ông Bưu tiến lên trước).

Cho ông ta thấy nhân quả báo ứng.

(*Sớ*) **Kiến đại hoạch trung.**

(疏) 見大鑊中。

(*Sớ*: Thấy trong chiếc vạc lớn).

“Hoạch” là cái chảo lớn. Thấy trong chảo...

(*Sớ*) **Hữu cáp lý tác nhân ngữ, hô Bưu danh.**

(疏) 有蛤蜊作人語，呼彪名。

(*Sớ*: Thấy sò nói tiếng người, gọi tên ông Bưu).

Đại khái là ông ta thường ưa ăn đồ biển tươi, ăn quá nhiều! Những con sò ấy đều gọi tên ông ta, chẳng hề quên mất. Quý vị hãy suy nghĩ: Nếu ăn những món còn sống, nó sẽ biết tên quý vị là gì. Hiện tại, chúng nó không có cách nào phản kháng, không có sức báo cừ, đợi có dịp, nó sẽ chẳng tha quý vị. Chuyện này rất phiền! Nếu thấy những chuyện này nhiều hơn, quý vị sẽ chẳng dám ăn nữa!

(*Sớ*) **Bưu bố.**

(疏) 彪怖。

(*Sớ*: Thiệu Bưu sợ hãi).

Thấy trước đây mình đã ăn những thứ này, nay mỗi con sò đều nhớ, món nợ này phải trả, Thiệu Bưu kinh hoảng!

(*Sớ*) **Toại niệm A Di Đà Phật.**

(疏) 遂念阿彌陀佛。

(*Sớ*: Bèn niệm A Di Đà Phật).

Do vậy bèn lớn tiếng niệm A Di Đà Phật.

(Sớ) *Cáp ly biến hoàng tước phi khứ.*

(疏) 蛤蜊變黃雀飛去。

(Sớ: *Sò biến thành chim sẻ bay đi mất.*)

Vừa niệm A Di Đà Phật, những con sò ấy đều được siêu độ. Chúng nó nghe Phật hiệu đều được siêu độ, biến thành chim sẻ bay đi. Chắc có người muốn hỏi: Những con sò ấy có đều vãng sanh hay chẳng? Chưa chắc, nhưng có thể từ súc sanh vượt thoát lên nhân đạo; nếu công lực lớn hơn, có thể siêu độ chúng tới thiên đạo.

(Sớ) *Buru hậu cập đệ, quan chí An Phủ Sứ.*

(疏) 彪後及第，官至安撫使。

(Sớ: *Về sau, Thiệu Buru thi đỗ, làm quan tới chức An Phủ Sứ⁵.*)

Nhân duyên này cũng chẳng thể nghĩ bàn, cũng là do thiện căn trong đời quá khứ; nếu không, làm sao ông ta mộng thấy cảnh giới này mà niệm Phật? Đây là “*túc oán đắc độ*”.

(Sớ) *Quy khước giả.*

(疏) 鬼卻者。

(Sớ: *Quy thoái lui.*)

Đây là giải thích chuyện ác quỷ chẳng xâm phạm.

(Sớ) *Phật thế.*

(疏) 佛世。

(Sớ: *Thời đức Phật.*)

⁵ An Phủ Sứ, còn gọi là Kinh Lược Sứ, Tuyên Phủ Sứ, hay Tuyên Úy Sứ, được thiết lập từ đời Tùy, là mệnh quan do triều đình phái đi tuần sát các quan chức tại các địa phương. Về sau, chức vụ này thường là một võ quan cao cấp. Đến đời Tống, do chủ trương trung ương tập quyền, các chức vụ Tiết Độ Sứ, Quán Sát Sứ đều phế bỏ, chức Tri Châu trực thuộc triều đình. Do phạm vi quản trị của Tri Châu quá nhỏ, triều đình phải phái mệnh quan triều đình đi làm An Phủ Sứ coi sóc những khu vực lớn hơn. Đến đời Nam Tống, An Phủ Sứ được gọi là Kinh Lược An Phủ Sứ, có quyền hạn khá lớn. Đến đời Nguyên, chức An Phủ Sứ quản trị một Lộ, tức tương đương với Tỉnh Trưởng sau này.

Đây là một câu chuyện trong kinh điển.

(Sớ) Hữu nhất quốc lân ư La Sát.

(疏) 有一國鄰於羅剎。

(Sớ: Có một nước ở gần chỗ quỷ La Sát).

Ở gần xứ quỷ La Sát.

(Sớ) La Sát thực nhân vô độ.

(疏) 羅剎食人無度。

(Sớ: La Sát ăn thịt người không biết bao nhiêu).

La Sát ăn thịt người, lại còn ăn rất nhiều!

(Sớ) Vương ước: “Tự kim quốc trung, gia dĩ nhất nhân, thứ đệ tổng dĩ, vật đắc uổng sát!”

(疏) 王約：自今國中，家以一人，次第送與，勿得枉殺。

(Sớ: Vua bèn ước hẹn với quỷ: “Từ nay trở đi, mỗi nhà trong nước sẽ theo thứ tự cống nạp một người cho người, đừng giết chóc bừa bãi!”)

Quốc vương hết cách, đấu với hắn không lại, mong quỷ La Sát đừng giết người bừa bãi. Mỗi nhà dân trong nước này sẽ thay phiên mỗi ngày dâng một người cho La Sát ăn, chớ nên nhiều loạn khiến mọi người chẳng an ổn! La Sát cũng đồng ý.

(Sớ) Hữu phụng Phật gia, chỉ sanh nhất tử, thứ đệ sung hành, phụ mẫu ai hào, chúc linh chí tâm niệm Phật.

(疏) 有奉佛家，只生一子，次第充行，父母哀號，囑令至心念佛。

(Sớ: Có một nhà thờ Phật, chỉ sanh được một trai, theo thứ tự phải dâng nạp, cha mẹ đau đớn khóc lóc, dặn dò con hãy chí tâm niệm Phật).

Có một hôm luân phiên tới một nhà nọ chỉ có một con duy nhất, đứa bé ấy chẳng thể không đi. Cả nhà đều niệm Phật, cha mẹ dặn con hãy nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ.

(Sớ) Dĩ Phật oai lực, quỷ bất đắc cận.

(疏) 以佛威力，鬼不得近。

(Sớ: Do oai lực của Phật, quỷ chẳng tới gần được).

Vì đứa bé niệm Phật, niệm suốt đêm đến hừng đông, quỷ La Sát chẳng thể đến gần!

(Sớ) Minh thân vãng thị, kiến tử thượng tại.

(疏) 明晨往視，見子尚在。

(Sớ: Sáng hôm sau, cha mẹ ra xem, thấy con vẫn còn sống).

Hôm sau, [cha mẹ thấy] đứa bé vẫn còn sống, quỷ La Sát chẳng bắt được!

(Sớ) Tương chi nhi hoàn, tự thị La Sát chi hoạn toại tức.

(疏) 將之而還，自是羅刹之患遂息。

(Sớ: Dẫn con trở về, từ đấy, nạn La Sát bèn chấm dứt).

Từ đấy trở đi, quỷ La Sát chẳng còn tới nhiều loạn ở nơi ấy nữa. La Sát là quỷ ăn thịt người, hễ niệm Phật, nó sẽ chẳng dám gây hại. Đây là một câu chuyện trong kinh Phật.

Trong bút ký của cư sĩ Đinh Phước Bảo có chép một chuyện vào đầu thời Dân Quốc. Có một người buôn bán, cùng kinh doanh chung với bạn bè. Khi lên thuyền, người bạn không cẩn thận, rớt xuống sông chết đuối. Sau khi trở về, vợ người bạn rất hoài nghi: “Gã này ham tiền hại mạng!” Ông ta chịu oan, không có cách nào biện bạch, cũng không có cách nào chứng minh. Quý ấy sau khi chết vẫn thường đến gặp ông ta, bạn bè thân thiết mà! Ông ta cũng chẳng sợ, còn bày rượu và thức ăn đãi quý. Ông thường tán chuyện với quý, bảo quý: “Người nhà ông thường nghi ngờ ta”. Quý nói không sao, sau này sẽ từ từ hòa giải với họ. Có một hôm, ông ta niệm Phật, quý bảo: “Ông đừng niệm”. Ông ta hỏi: “Vì sao?” Quý nói: “Khi ông niệm, tôi chẳng dám tới gần ông”. Ông ta nghe lời ấy, bèn lớn tiếng niệm, niệm nhiều hơn, quý chạy mất. Ông ta mới hiểu niệm Phật có lợi ích như thế; về sau, xuất gia, chuyên môn niệm Phật. Niệm Phật có sức mạnh lớn như thế đó! Quý chẳng dám tiếp cận. Do vậy, người niệm Phật điều gì cũng chẳng sợ, bất luận cảnh giới nào, chỉ cần định cái tâm, vọng niệm gì cũng chẳng màng, nhất tâm niệm Phật, hết thấy yêu ma quỷ quái đều chẳng đến gần bên thân!

(Sớ) Mục minh giả.

(疏) 目明者。

(Sớ: Mắt sáng).

Đây cũng là cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn!

(Sớ) Tống Sùng thị nữ, song cổ.

(疏) 宋崇氏女，雙瞽。

(Sớ: Đòi Tống, cô gái họ Sùng, hai mắt đều mù).

Hai con mắt đều mù.

(Sớ) Niệm Phật tam niên, tinh cần bất thế, song mục trùng minh như cố.

(疏) 念佛三年，精勤不替，雙目重明如故。

(Sớ: Niệm Phật ba năm, chuyên tinh, siêng năng, chẳng thay đổi chí, hai mắt bèn sáng lại như cũ).

Mù là do nghiệp chướng, niệm Phật có thể tiêu nghiệp chướng, nhất là chí thành niệm Phật, thành tâm thành ý niệm suốt ba năm. Tinh chuyên, siêng năng, chẳng đổi chí, chẳng giải đãi! Nghiệp chướng tiêu trừ, hai mắt khôi phục. Hết thầy bệnh khô, thành tâm thành ý niệm Phật, sẽ đều có cảm ứng. Vì thế, người thật sự niệm Phật có bệnh, không nên kiếm bác sĩ, mà hãy nhất tâm niệm Phật, nghiệp chướng tiêu trừ sẽ lành bệnh. Nếu nghiệp chướng chẳng tiêu, bèn niệm Phật vãng sanh.

Thế giới này có gì tốt lành để lưu luyến? Khăng khăng một mực, niệm Phật mới có cảm ứng. Niệm Phật chẳng có cảm ứng là do tham cầu thế gian này, vẫn chưa nở đi, ngoài miệng bảo ta niệm Phật muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong tâm vương vẫn thế gian này, không chịu đi. Tâm chẳng chân thành, niệm Phật cũng chẳng có cảm ứng, niệm Phật hiệu mà tai nạn cũng không tiêu, bệnh cũng chẳng lành. Cứ khăng khăng một mực niệm, sẽ có thể tiêu tai, có thể lành bệnh, có thể vãng sanh, tinh thuần, siêng năng thì sẽ có thể đạt được!

Do vậy, tin Phật không dễ dàng! Thông thường, người ta tin Phật, nhưng bán tín bán nghi, chẳng phải là khăng khăng một mực tin Phật. Khăng khăng một mực tin tưởng sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn! Ngày hôm nay chúng ta giảng tới đây.